

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2019/DS-ST**

Ngày: 23-10-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tấn Thanh

Ông Lâm Ngọc Trao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa 26/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V).

Trụ sở: 89 L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Đỗ Thành T. Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP V kiêm Phó giám đốc Pháp chế và kiểm soát tuân thủ, V hội sở (theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1994. Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng – V AMC. Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 68276/2019/UQ-PGĐK ngày 10/6/2019).

+ Ông Nguyễn Minh P. Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng – V AMC. Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 68276/2019/UQ-PGĐK ngày 10/6/2019).

Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(bà H có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2019, các lời khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần V do bà Bùi Thị H đại diện trình bày:

Ngày 15/02/2017, bà Trương Thị Ngọc H có ký hợp đồng tín dụng số DSA/VN0010325/201701/191507 (Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử) với Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) để vay số tiền là 60.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 32%/năm, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hằng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/7/2017; mức độ điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 24%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do hội sở chính của bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ. Thực tế, lãi suất vay trong hạn của bà H được điều chỉnh như sau: Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 30/6/2017, lãi suất: 32%/năm; từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/9/2017 lãi suất: 32.4%/năm; từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 lãi suất: 31.7%/năm; từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018 lãi suất: 31.9%/năm; từ 01/4/2018 đến ngày 30/6/2019 lãi suất: 30.8%/năm; từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018 lãi suất: 31.1%/năm; từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018 lãi suất: 31.7%/năm; từ ngày 01/01/2019 đến 30/6/2019 lãi suất: 32.4%/năm; từ 01/7/2019 đến 28/8/2019 lãi suất: 32.2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/02/2021. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng V số tiền gốc và lãi hàng tháng, trả chậm liên tiếp trong vòng 48 tháng. Cụ thể số tiền gốc và lãi phải trả của từng kỳ căn cứ vào bảng kế hoạch trả nợ đính kèm theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng V đã giải ngân cho bà H số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 20/02/2017 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thẻ của bà H mở tại Ngân hàng V. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng vay số tiền nêu trên, bà H đã thanh toán cho ngân hàng 12 lần với số tiền 22.101.197 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là

5.228.729 đồng và tiền lãi là 16.872.468 đồng. Kể từ ngày 13/3/2018 đến nay, bà H không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng V. Do đó, nguyên đơn - Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán một lần cho ngân hàng số tiền gốc còn lại là 54.771.271 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/10/2019 là 48.906.979 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi Ngân hàng V yêu cầu bà H thanh toán là 103.678.250 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã tổng đạt hợp lệ cho bà H các văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo giao nộp chứng cứ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền vay tổng cộng gốc lãi là 103.678.250 đồng..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ngọc H thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 15/02/2017 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Bị đơn bà Trương Thị Ngọc H có địa chỉ thường trú tại ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V:

Xét Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/02/2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn: Hợp đồng này đúng nguyên tắc, tuân thủ đầy đủ hình thức theo quy định của Bộ luật dân sự. Theo nội dung hợp đồng (đã được Ngân hàng V phê duyệt) thì nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền là 60.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 32%/năm, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hằng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/7/2017; mức độ điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 24%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do hội sở chính của bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ. Thực tế, lãi suất vay trong hạn của bà H được điều chỉnh như sau: Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 30/6/2017, lãi suất: 32%/năm; từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/9/2017 lãi suất: 32.4%/năm; từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 lãi suất: 31.7%/năm; từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018 lãi suất: 31.9%/năm; từ 01/4/2018 đến ngày 30/6/2019 lãi suất: 30.8%/năm; từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018 lãi suất: 31.1%/năm; từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018 lãi suất: 31.7%/năm; từ ngày 01/01/2019 đến 30/6/2019 lãi suất: 32.4%/năm; từ 01/7/2019 đến 28/8/2019 lãi suất: 32.2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/02/2021. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng V số tiền gốc và lãi hàng tháng, trả chậm liên tiếp trong vòng 48 tháng. Cụ thể số tiền gốc và lãi phải trả của từng kỳ căn cứ vào bảng kế hoạch trả nợ đính kèm theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng V đã giải ngân cho bà H số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 20/02/2017 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thẻ của bà H mở tại Ngân hàng V. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng vay số tiền nêu trên, bà H đã thanh toán cho ngân hàng 12 lần với số tiền 22.101.197 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 5.228.729 đồng và tiền lãi là 16.872.468 đồng. Kể từ ngày 13/3/2018 đến nay, bà H không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng V. Như vậy, bà H đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 4 phần II của Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V, buộc bà Trương Thị Ngọc H phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc còn lại là 54.771.271 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/10/2019 là 48.906.979 đồng.

[4] Về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn bà Trương Thị Ngọc H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử buộc bà Trương Thị Ngọc H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền nợ gốc và lãi là 103.678. 250 đồng (một trăm lẻ ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng), trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 54.771.271 đồng (năm mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng);

Nợ lãi tính đến ngày 23/10/2019 là: 48.906.979 đồng (bốn mươi tám triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trương Thị Ngọc H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Ngọc H phải chịu 5.183.912 đồng (năm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm mười hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.343.700 đồng (hai triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm đồng) theo biên lai thu số 0000922 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần V được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang

